TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HSST
Ngày 27/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng

2. Ông Ngô Văn Hoàn

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Võ Thị Xuân Ký - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nông Quốc Toản - Kiểm sát viên.

Ngày 27/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Thạch An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2018/HSST ngày 28/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST ngày 12/6/2018 đối với bị cáo:

Nông Văn N, sinh năm 1991.

Nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn;

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nông Văn L, sinh năm 1963 (đã chết năm 2007); Con bà: Sầm Thị H, sinh năm 1965 (đã chết 2015); Anh chị em ruột: Có 04 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Vợ, con: Không có.

Nhân thân:

Ngày 04 tháng 3 năm 2015 bị Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 10 (mười) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự, đã chấp hành xong và được đương nhiên xoá án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tiền án: Có 01 tiền án ngày 19 tháng 4 năm 2018 bị Toà án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/01/2018, có mặt tại phiên toà.

-Người bị hại:

Nông Thị E - Sinh năm 1986

Trú tại: Đg, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;

(Có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi liên quan: Ông Hà Văn - Sinh năm 1980
Trú tại: Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng;
(Có mặt tại phiên tòa)

- Người làm chứng:
1. Ông Lục Hải H - Sinh năm 1980
Trú tại: Nà V, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Nguyễn Thị T - Sinh năm 1963
Trú tại: Nà G, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Ông Nguyễn Linh H - Sinh năm 1987
Trú tại: Nà B, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
(Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Ông Vương Văn V - Sinh năm 1988
Trú tại: Nà N, xã L, huyện T, tỉnh Cao Bằng.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 01 tháng 11 năm 2017, Hoàng Văn P đi xe Mô tô Hon da BLade màu đỏ không gắn biển số đến đón Nông Văn N sang xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng chơi. Trên đường đi P kể với N trước đây đi trộm gà ở xã Đ có nhìn thấy hai chiếc xe máy để ở xa nhà dân, P có ý định buổi tối sẽ quay lại xã Đ để trộm, nghe P nói vậy N đồng ý. Khoảng 00 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2017 P và N đến thôn N, xã Đ từ đường quốc lộ 34B xuống khu vực Nà V (Nà G, Đức L), P dừng xe tắt máy trôi dốc xuống theo đường Bê tông khoảng 200 mét, đi qua cầu suối Nà V khoảng 100 mét thì nhìn thấy hai chiếc xe mô tô dựng ở cạnh nhau đang được phủ bạt lên trên, P đi đến lật bạt và dắt trộm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ trắng, BKS 11B1- 193.28 của Nông Thị E ra chỗ Phi để xe máy, còn N đẩy đằng sau. Khi đến nơi P dùng kìm giật dây ổ khoá điện rồi đấu nối lại và tháo biển số còn N tháo hai gương chiếu hậu của chiếc xe, sau đó N dắt chiếc xe máy vừa lấy trộm được quay lại đường quốc lộ 34B, còn P đi xe máy của P theo sau, đi được một đoạn đến gần đầu cầu suối Nà V N vứt hai chiếc gương và biển số xe xuống bụi cây dưới đường, cách đầu cầu suối Nà V 61 mét rồi tiếp tục dắt xe máy lên trên đường quốc lộ 34B thì nổ máy đi theo đường vành đai biên giới sang Nà T, xã M, huyện P và sang Nà C, Long C, Quảng T, Trung Quốc. Đến nơi N mở cốp xe thấy bên trong có 01 sổ thông hành bìa màu đen, N không mở ra xem mà vứt luôn tại đó. Đến khoảng 06 giờ sáng cùng ngày cả hai người đến gặp một người đàn ông Trung Q có tên gọi là S (Không rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể) mà N đã quen biết từ trước, bán chiếc xe

máy vừa trộm được với giá 2000 NDT (Hai nghìn nhân dân tệ), sau khi bán xe xong N và P chia nhau mỗi người 1000 NDT (Một nghìn nhân dân tệ).

Ngày 05 tháng 11 năm 2017 khoảng 13 giờ bà Nguyễn Thị T đi chăn trâu phát hiện có hai chiếc gương chiếu hậu và 01 biển kiểm soát xe mô tô 11B1 - 193.28 ở dưới bụi cây ven đường tại khu vực Nà V thuộc thôn Nà G, xã Đ. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã đến hiện trường nơi phát hiện hai chiếc gương và biển kiểm soát xe mô tô, qua xem xét thấy nhiều dấu vết vân tay in trên gương chiếu hậu và biển kiểm soát xe mô tô. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã lập biên bản tạm giữ số đồ vật trên để phục vụ công tác giám định dấu vết đường vân.

Ngày 04 tháng 01 năm 2018, biết không thể che giấu được hành vi phạm tội của mình, N đã đến Công an huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn để tự thú về hành vi trộm cắp tài sản là 02 chiếc xe máy tại huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn và 01 vụ trộm cắp tài sản là chiếc xe máy BKS: 11B1 - 193.28 tại xã Đức, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 15 tháng 3 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 18: Giám định dấu vết đường vân.

Tại bản kết luận giám định số: 09-GĐKTHS/PC54, ngày 19 tháng 01 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: Dấu vết đường vân thu được trên gương chiếu hậu bên trái với dấu in vân ở ô nhẫn bên phải trên chỉ bản mang tên Nông Văn N sinh ngày 01 tháng 3 năm 1991, nơi ĐKTT: Thôn Vằng C, xã Kim Đ, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn là của cùng một người.

Tại bản kết luận giám định số: 37-GĐKTHS/PC54, ngày 26 tháng 3 năm 2018 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng, kết luận: Dấu vết đường vân thu được trên biển kiểm soát xe máy 11B1 - 193.28 với dấu vân ở ô nhẫn bên trái trên chỉ bản số: 0351 lập ngày 30 tháng 10 năm 2000 tại Công an huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn ghi tên: Hoàng Văn P, sinh năm 1980, trú tại: Nà N, xã Q, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn là của cùng một người.

Ngày 17/01/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã yêu cầu giám định tài sản đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng đỏ, BKS 11B1 - 193.28. Theo kết luận số: 03/KL-HĐGĐTS, ngày 17/01/2018 của Hội đồng giám định tài sản trong tố tụng hình sự của huyện T đã kết luận: " 01 (một) chiếc xe máy giá trị là: 16.450.000,đ (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng chẵn).

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam số: 04 đối với Hoàng Văn P nhưng P đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 17 tháng 4 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T ra Quyết định truy nã số: 01 đối với Hoàng Văn P về tội: Trộm cắp tài sản. Ngày 24 tháng 4 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch An ra Quyết định tách vụ án hình sự số: 01, tách hành vi trộm cắp tài sản của P theo quyết định khởi tố bị can số: 14, ngày 03 tháng 4 năm 2018

thuộc vụ án hình sự theo quyết định khởi tố vụ án hình sự số: 06 ngày 26 tháng 01 năm 2018 để điều tra khi bắt được sẽ xử lý sau.

Hành vi trộm cắp 02 chiếc xe máy tại huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn của Nông Văn N đã bị Toà án nhân dân huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn xét xử và tuyên phạt 18 (Mười tám) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", theo khoản 1 Điều 138 của Bộ Luật hình sự, tại bản án số: 13/2018/HSST ngày 19 tháng 4 năm 2018.

Người bị hại Nông Thị E trình bày tại phiên toà: Khoảng 17 giờ ngày 01/11/2017 tôi điều khiển xe mô tô BKS 11B1 - 193.28 đi đón con ở trường tiểu học Đ, huyện T, Cao Bằng về nhà tôi để xe máy ở dưới gốc cây hồng cách nhà khoảng 100 mét vì đường vào nhà tôi xe máy không đi được, nên tôi thường để xe máy qua đêm tại vị trí này và phủ bạt qua trên để che xe. Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 02 tháng 11 năm 2017, phát hiện mất chiếc xe mô tô BKS 11B1 - 193.28, xe YamahaSirius. Chiếc xe trên tôi mua với giá 13.000.000,đ. Nay tôi yêu cầu bị cáo trả cho tôi số tiền là 13.000.000,đ(Mười ba triệu đồng) mà tôi đã bỏ ra mua chiếc xe, và xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra tôi không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Hà Văn Y trình bày: Khoảng 16 giờ ngày 01 tháng 11 năm 2017 vợ tôi là Nông Thị E lấy xe mô tô BKS 11B1 - 193.28 đi đón con ở trường tiểu học Đ, huyện T, Cao Bằng về nhà tôi để xe máy ở dưới gốc cây hồng cách nhà khoảng 200 mét vì đường vào nhà tôi xe máy không đi được, nên tôi thường để xe máy qua đêm tại vị trí này và phủ bạt qua trên để che xe. đến khoảng 07 giờ sáng ngày 02 tháng 11 năm 2017, anh Lục Hải H đi vào nhà tôi và nói xe máy đi đâu một cái rồi, sau đó vợ tôi ra xem thì thấy mất một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, BKS 11B1 - 193.28, nay tôi yêu cầu bị cáo trả cho gia đình tôi trị giá chiếc xe là 13.000.000,đ. (Mười ba triệu đồng). Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Đối với người đàn ông Trung Quốc đã mua chiếc xe mô tô BKS 11B1 - 193.28, xe Yamaha Sirius, bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để điều tra xác minh về người đã mua xe.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nông Văn N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015 như Cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 24/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Xử phạt bị cáo Nông Văn N từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Đề nghị xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự cho bà Nông Thị E và chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Khoảng 00 giờ ngày 02 tháng 11 năm 2017 Nông Văn N và Hoàng Văn P đi xe mô tô Honda Blade màu đỏ của P từ xã Q, huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn đến xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng trộm cắp chiếc xe máy BKS: 11B1 - 193.28 của bà Nông Thị E, trú tại: Nà G, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đem sang Trung Quốc bán được 2000 NDT (Hai nghìn nhân dân tệ), chia nhau mỗi người được 1000 NDT (Một nghìn nhân dân tệ) để mua ma tuý về sử dụng và tiêu sài cá nhân hết.

Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Thạch An thì chiếc xe mô tô mà Nông Văn N và Hoàng Văn P trộm cắp có giá trị là 16.450.000,đ (Mười sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Do vậy hành vi của bị cáo Nông Văn N có đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản'' được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015. Cáo trạng số 08/CTr-VKS ngày 24/5/2018 của VKSND huyện T tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản'' và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Nông Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, không chịu làm ăn chân chính nên đã lợi dụng sơ hở mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu là người sử dụng ma tuý, đã bị xét xử nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm để phấn đấu trở thành người có ích cho xã hội, vẫn tiếp tục vi phạm pháp luật. Vì vậy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Hiện nay bị cáo đang chấp hành Bản án số: 13/2018/HSST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Vì vậy, khi quyết định hình phạt cần áp dụng Điều 56

của Bộ luật hình sự 2015 để tổng hợp hình phạt đối với bản án mà bị cáo đang phải chấp hành.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là "Người phạm tội tự thú" được quy định tại điểm r, khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Không áp dụng hình phạt bổ sung, các biện pháp tư pháp khác đối với bị cáo.

Đối với Hoàng Văn P đã bỏ trốn khỏi địa phương, Công an Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch an đã ra Quyết định truy nã và ra Quyết định tách hành vi trộm cắp tài sản của P để điều tra khi bắt được sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông Trung Quốc đã mua chiếc xe mô tô BKS: 11B1 - 193.28, xe Yamaha Sirius, bị cáo không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể. Do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T không có căn cứ để điều tra xác minh về người đã mua xe.

Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Kiểm sát viên đề xuất áp dụng các điều luật, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và bồi thiệt hại đối với bị cáo, xử lý vật chứng là có căn cứ pháp luật.

[5] Phần tranh luận: Bị cáo không tranh luận và không có ý kiến gì thêm.

[6] Phần nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội sửa lỗi lầm, sớm trở về với gia đình.

[7] Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 585; khoản 1, Điều 586; khoản 1, Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Nông Văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho bà Nông Thị E. Địa chỉ: Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng là: 13.000.000,đ (Mười ba triệu đồng).

[8] Về xử lý vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu huỷ: 02 (hai) gương chiếu hậu màu đen của xe Mô tô, mặt kính còn nguyên vẹn; 01 biển số xe mô tô BKS: 11B1 - 193.28, nền màu trắng, các số màu số đen.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, Điều 48 ; điểm r, s khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Bộ luật hình sự 2015;

Căn cứ: Điều 584; Điều 585, khoản 1 Điều 586; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật dân sự;

- Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn N - Phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nông Văn N - 12 (Mười hai) tháng tù.

Tổng hợp hình phạt tại bản án số: 13/2018/HSST ngày 19/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Lạng Sơn, đã xử phạt bị cáo 18 (Mười tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 30 (Ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 04/01/2018.

2. Về bồi thường dân sự:

Buộc bị cáo Nông văn N phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô cho bà Nông Thị E 13.000.000,đ (Mười ba triệu Đồng) tiền Việt Nam. Địa chỉ: Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thoả thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 Điều 468; Nếu không có thoả thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; Điểm c, khoản 2, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Tịch thu tiêu huỷ 02 (Hai) chiếc gương chiếu hậu màu đen của xe mô tô, mặt kính còn nguyên vẹn; 01 (Một) biển số xe mô tô BKS: 11 B1 - 193.28, nền màu trắng, các số màu đen.

Xác nhận số vật chứng hiện đang được tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An theo biên bản bàn giao vật chứng lập ngày 29/5/2018 giữa Công an huyện Thạch An và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Thạch An và sẽ được đưa ra thi hành khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điều 21; Điều 23; Điểm b, khoản 1, mục II của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn N phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 650.000,đ (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo Nông Văn N phải chịu 850.000,đ (Tám trăm năm mươi nghìn đồng) sung công quỹ nhà nước.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm công khai sơ thẩm bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi liên quan có mặt, có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)	(Đã ký)
NGô Văn Hoàn	
Nguyễn Thị Hằng	**Nguyễn Thị Hương**